

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THẠCH THẮT
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 85/2022/HNGĐ - ST

Ngày: 21/7/2022

V/v: *Không công nhận vợ chồng*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THẮT

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tạ Thị Ninh

Các Hội thẩm nhân dân: - Bà Nguyễn Thị Mai

- Ông Nguyễn Văn Chiến

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Sáng; Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thạch Thất, Tp. Hà Nội

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Lưu Mạnh Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạch Thất xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 15/2022/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2022 về việc L hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

- NguY đơn: Anh Đinh Xuân Y, sinh năm 1984 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn C Đ II, xã T X, huyện Thạch Thất, TP. Hà Nội.

- Bị đơn: Chị Bùi Thị L, sinh năm 1987 (xin vắng mặt)

Nơi ĐKKHKT: Thôn C Đ II, xã T X, huyện Thạch Thất, TP. Hà Nội.

Nơi tạm trú hiện nay: Tổ 9, phường Th B, TP. Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 06/3/2022 và trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án của nguY đơn là anh Đinh Xuân Y trình bày:

Tôi với chị Bùi Thị L có thời gian tìm hiểu khoảng vài tháng thì tiến đến hôn nhân. Chúng tôi đăng ký kết hôn vào ngày 04/12/2003 tại UBND xã Thượng Cốc, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình trên cơ sở tự nguyện và có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán tại địa phương. Khi đăng ký kết hôn do chưa đủ tuổi đăng ký nên chị L khai chị L sinh năm 1985 để được đủ tuổi kết hôn nhưng thực tế chị L sinh năm 1987.

Chúng sống hạnh phúc được vài năm đầu thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguY nhân là do không hợp nhau, chị L bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở xã Th C, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình sinh sống sau đó đi đâu tôi không biết. Thời gian gần đây, tôi nghe nói là chị L đang ở với người đàn ông khác ở phường Thái Bình, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình. Tôi xác định không còn tình cảm với chị L nữa nên đề nghị Tòa án không công nhận tôi với chị L là vợ chồng.

Về con chung: Chúng tôi có 2 con chung là cháu Đinh Thị Hải Y, sinh ngày 30/8/2004 và cháu Đinh Đức A, sinh ngày 14/4/2006, hiện tại cả hai cháu đang ở với tôi. Tôi đề nghị Tòa án giao cả cháu Hải Y và Đức A cho tôi chăm sóc nuôi dưỡng, tôi không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 16/6/2022, có sự chứng kiến của Công an phường Thái Bình, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình, bị đơn là chị Bùi Thị L trình bày:

Tôi cư trú tại địa chỉ tổ 9, phường Thái Bình, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình và có đăng ký tạm trú tại đây. Tôi đồng ý để Tòa án nhân dân huyện Thạch Thất giải quyết vụ án L hôn giữa tôi với anh Đinh Xuân Y.

Về mâu thuẫn vợ chồng giữa tôi với anh Y là do anh Y bỏ đi miền nam 03 năm trời, một mình tôi phải nuôi cả bố mẹ anh Y và các con. Anh Y thường xuY đánh đập tôi và cấm tôi về nhà bố mẹ đẻ khi gia đình tổ chức tang lễ cho bố đẻ tôi. Tôi xác định không còn tình cảm với anh Y nữa nên tôi đồng ý L hôn.

Về con chung: Tôi và anh Y có 02 con chung là cháu Đinh Thị Hải Y, sinh ngày 30/8/2004 và cháu Đinh Đức A, sinh ngày 14/4/2006. Tôi đồng ý giao hai cháu cho anh Y nuôi dưỡng, anh Y phải đảm bảo quyền thăm nom cho tôi.

Khi đăng ký kết hôn do tôi chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn nên tôi phải khai tôi sinh năm 1985 cho đủ tuổi để được đăng ký còn thực tế tôi sinh năm 1987.

Về công nợ chung: Không có.

Về tài sản chung: Chúng tôi có tài sản chung là nhà và đất mà anh Y đang ở, tôi không yêu cầu chia tài sản này, đề nghị anh Y phải sang tên nhà đất cho cháu Đinh Đức Anh.

Đề nghị Tòa án không gửi các văn bản tố tụng cho tôi nữa, tôi không ký nhận các văn bản tố tụng này, Tòa án có gửi cho tôi qua đường bưu điện tôi cũng không nhận.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 25/3/2022, bà Bùi Thị Chui là mẹ đẻ chị Bùi Thị L trình bày:

Tôi là mẹ đẻ của chị Bùi Thị L, chị L có đăng ký kết hôn với anh Đinh Xuân Y ở T X, Thạch Thất. Do chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn nên chị L khai chị L sinh

năm 1985 nhưng thực chất chị L sinh năm 1987. Chính vì vậy, Giấy chứng nhận kết hôn ghi chị L sinh năm 1985.

Tháng 5/2006, chồng tôi chết, chị L muốn về chịu tang theo phong tục người Mường nhưng anh Y không đồng ý nên vợ chồng cãi nhau, chị L bỏ về nhà tôi ở vài ngày sau đó chị L bỏ đi làm ăn xa.

Hiện tại chị L đang ở phường Thái Bình, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình. Chị L đang ở cùng một người đàn ông khác tên là Thành. Hiện tại chị L đang dùng số điện thoại 0355.786.073 và anh Thành dùng số 0969.132.773. Trên đây là thông tin tôi xin cung cấp để Tòa án nhân dân huyện Thạch Thất được biết.

Tại phiên tòa, nguY đơn vẫn giữ nguY quan điểm và không trình bày gì thêm.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu tại phiên tòa về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng nghị án là đúng quy định của pháp luật đề nghị HĐXX tuY không công nhận anh Y, chị L là vợ chồng.

Về con chung: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của anh Y, giao hai cháu Đinh Thị Hải Y, sinh ngày 30/8/2004 và cháu Đinh Đức A, sinh ngày 14/4/2006 cho anh Y trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị L cho đến khi có quyết định khác thay thế.

Về tài sản chung, công nợ chung đề nghị HĐXX không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN;

[1] Về thủ tục tố tụng:

1.1. Ngày 12/01/2022, Tòa án nhân dân huyện Thạch Thất thụ lý đơn khởi kiện về việc xin L hôn của anh Đinh Xuân Y yêu cầu giải quyết L hôn, nuôi con khi L hôn và không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, công nợ chung. Nguyên đơn cư trú trên địa bàn huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội. Bị đơn đã đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã T X, huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội, hiện tại đang tạm trú tại thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình nhưng đồng ý để Tòa án nhân dân huyện Thạch Thất giải quyết vụ án. Do vậy Tòa án nhân dân huyện Thạch Thất thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại các Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

1.2. Bị đơn là chị Bùi Thị L xin vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án. Căn cứ quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt phía bị đơn.

1.3. Tòa án đã tiến hành gửi các văn bản tố tụng cho phía bị đơn qua đường bưu điện theo địa chỉ bị đơn cung cấp cho Tòa án nhưng phía bị đơn từ chối không

nhận. Theo quy định tại Điều 70, 72, 90 BLTTDS 2015, phía bị đơn đã tự tước bỏ “quyền được nhận thông báo hợp lệ để thực hiện quyền nghĩa vụ của mình” thông qua việc từ chối nhận văn bản tố tụng, phía bị đơn đã tự tước bỏ quyền chứng minh của mình thông qua việc xin vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án. Vì vậy, phía bị đơn phải chịu hậu quả của việc từ chối nhận văn bản tố tụng của Tòa án và chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại các điều luật nêu trên, Tòa án giải quyết vụ án theo những chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

[2] Xét yêu cầu nguyên đơn là anh Đinh Xuân Y:

2.1. Xét yêu cầu trong đơn khởi kiện của nguY đơn là xin L hôn và sau đó thay đổi yêu cầu khởi kiện là yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Đinh Xuân Y và chị Bùi Thị L:

Anh Đinh Xuân Y đề nghị Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh với chị Bùi Thị L. Anh Y, chị L và bà Bùi Thị Ch – Mẹ đẻ chị L đều xác nhận, chị L sinh năm 1987. Thời điểm anh Y và chị L đăng ký kết hôn là ngày 04/12/2003, thời điểm đó, chị L chưa đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000. Anh Y và chị L đều xác nhận không còn tình cảm với nhau nữa, vì vậy HĐXX căn cứ Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000, các Điều 8, 11, 12 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguY đơn, không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Y và chị L.

2.2. Về con chung: Anh Đinh Xuân Y và chị Bùi Thị L cùng xác nhận có 02 con chung là cháu Đinh Thị Hải Y, sinh ngày 30/8/2004 và cháu Đinh Đức A, sinh ngày 14/4/2006. Anh Y đề nghị Tòa án giao cháu Yến và cháu Đức Anh cho anh Y trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, anh Y không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con chung. Chị L đồng ý giao hai cháu cho anh Y nuôi dưỡng. Nguyên vọng của cháu Y và cháu Đức A muốn được ở cùng bố. Vì vậy, HĐXX chấp nhận yêu cầu này của nguY đơn. Giao cháu Y và cháu Đức A cho anh Đinh Xuân Y trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng.

2.3. Về cấp dưỡng nuôi con: Do anh Đinh Xuân Y không yêu cầu chị Bùi Thị L cấp dưỡng nuôi con chung nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho chị Bùi Thị L cho đến khi có quyết định khác thay thế.

2.4. Về tài sản chung, công nợ chung: Do anh Y và chị L đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[3] Về án phí: Anh Đinh Xuân Y phải chịu án phí L hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lý trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000, các Điều 8, 11, 12 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; các Điều 28, 35, 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2006 Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Đinh Xuân Y và chị Bùi Thị L.

2. Về con chung: Giao cháu Đinh Thị Hải Y, sinh ngày 30/8/2004 và cháu Đinh Đức A, sinh ngày 14/4/2006 cho anh Đinh Xuân Y trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi cháu Y, cháu Đức A đủ 18 tuổi hoặc đến khi có quyết định khác thay thế.

Chị Bùi Thị L có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom, chăm sóc để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của người trực tiếp nuôi con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Bùi Thị L cho đến khi có quyết định khác thay thế.

4. Về tài sản chung, công nợ chung: Các bên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

5. Về án phí: Anh Đinh Xuân Y phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Số tiền này được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0025276 ngày 14/3/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội.

6. Về quyền kháng cáo:

NguY đơn có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuY án. Bị đơn có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thạch Thất;
- Chi cục THADS huyện Thạch Thất;
- UBND xã Thượng Cốc, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Tạ Thị Ninh